TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN THẠNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST Ngày: 22-01-2019 V/v "Ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Nguyễn Phương Chi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Minh Tấn

Bà Trần Thị Năm

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Võ Minh Trọng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim The – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị H, sinh năm: 1969

Địa chỉ: thành phố T, tỉnh Long An

2. *Bị đơn*: Ông Phạm Lâm S, sinh năm: 1966

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An

Bà H có mặt tại phiên tòa. Ông S có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/7/2018 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà và ông S chung sống với nhau từ năm 1989, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 03/11/2004. Bà và ông S chung sống hạnh phúc đến giữa năm 1991 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông S đi ngoại tình với người đàn bà khác. Sau đó mặc dù bà đã bỏ qua và khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông S không

thay đổi dẫn đến việc thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau. Đến tháng 5/2016, bà và ông S chính thức ly thân cho đến nay. Bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu ly hôn với ông S. Về con chung: trong thời gian chung sống, bà H và ông S có 01 người con chung tên Phạm Trần Lâm S, sinh ngày 08/01/1992, con chung đã thành niên, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai tại bản tự khai ngày 07/01/2019, bị đơn ông Phạm Lâm S trình bày: ông và bà H chung sống với nhau từ năm 1989, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 03/11/2004. Trong quá trình chung sống, ông và bà H không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau thường xuyên, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Ông và bà H đã ly thân từ tháng 5/2016 cho đến nay. Qua yêu cầu ly hôn của bà H thì ông đồng ý. Về con chung: trong thời gian chung sống, ông và bà H có 01 người con chung tên Phạm Trần Lâm S, sinh ngày 08/01/1992, con chung đã thành niên, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị H. Về con chung: đã thành niên nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Phạm Lâm S và ông S có nơi cư trú tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An đã ra quyết định chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh giải quyết theo thẩm quyền sau khi đã thụ lý là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn Phạm Lâm S vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông S theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Bà H và ông S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T vào ngày 03/11/2004 nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, bà H và ông S sống hạnh phúc đến năm 1991 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, tuy hai bên không thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn (bà H cho rằng ông S ngoại tình với người đàn bà khác, mặc dù bà đã bỏ qua và khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông S không thay đổi dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc; còn ông S cho rằng do bất đồng quan điểm sống) tuy nhiên hai bên đều thống nhất phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ tháng 5/2016, bà H và ông S đã ly thân cho đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Tại phiên tòa, bà H giữ nguyên yêu cầu ly hôn, ông S vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 07/01/2019 thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà H và ông S đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, trong suốt thời gian ly thân cho đến nay, hai bên không tìm được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy bà H yêu cầu ly hôn với ông S là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: bà H và ông S thống nhất có 01 người con chung tên Phạm Trần Lâm S, sinh ngày 08/01/1992, con chung đã thành niên, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu,miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H;

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Phạm Lâm S.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp theo biên lai thu số 0002317 ngày 30/07/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An sang thành án phí. Bà H không phải nộp thêm.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS TP. T
- TAND tỉnh Long An;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu HS, lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Nguyễn Phương Chi